Phụ lục 3

ĐIỀU CHỈNH GIẢM VỐN CÁC DỰ ÁN HỤT THU NĂM 2019, 2020

(Kèm theo Quyết định số 711 QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2022				Giảm vốn	Tăng vốn	Kế hoạch 2022 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó							
				Tổng số	Trong đó: NSĐP		NSĐP	Trong đó						
								Thu hồi các khoản ứng trước NSĐP	Thanh toán nợ XDCB					
	Tổng số					**170.708,183**	**170.708,183**	**163.131,142**	-	**168.568,183**	-	**2.140,000**		
I	**Năm 2019**					**121.597,041**	**121.597,041**	**114.020,000**	-	**119.457,041**	-	**2.140,000**		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					114.020,000	114.020,000	114.020,000		114.020,000			UBND thị xã Ayun Pa, UBND các huyện Chư Păh, Phú Thiện, Ia Pa, Đăk Pơ, Mang Yang, Đăk Đoa, Đức Cơ, Kông Chro, Chư Pưh, Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông, Kbang	
2	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.316.321	1.316.321	7.577,041	7.577,041			5.437,041		2.140,000	Sở TNMT	
II	**Năm 2020**					**49.111,142**	**49.111,142**	**49.111,142**	-	**49.111,142**	-	-	-	
1	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.316.321	1.316.321	20.825,862	20.825,862	20.825,862		20.825,862			Sở TNMT	
2	Kè chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	2012-2020	724/QĐ-UBND ngày 09/8/2013; 939/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 848/QĐ-UBND ngày 13/9/2017; 1043/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	412.009	64.988	235,292	235,292	235,292		235,292			UBND thị xã Ayun Pa	
3	Đường vào ba buôn xã Chư Đrăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	2019-2020	383/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 1009/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	39.100	39.100	4.687,560	4.687,560	4.687,560		4.687,560			UBND huyện Krông Pa	
4	Đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh	2018-2020	988/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 934/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	150.000	122.608	1.474,380	1.474,380	1.474,380		1.474,380			BQL các dự án ĐTXD	

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm 2022				Giảm vốn	Tăng vốn	Kế hoạch 2022 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó							
				Tổng số	Trong đó: NSĐP		NSĐP	Trong đó						
								Thu hồi các khoản ứng trước NSĐP	Thanh toán nợ XDCB					
5	Trường phổ thông DTNT huyện Đức Cơ (nay là trường THCS dân tộc nội trú huyện Đức Cơ), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ	2018-2020	308/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	30.000	30.000	4.303,670	4.303,670	4.303,670		4.303,670			BQL các dự án ĐTXD	
6	Nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Kông Chro	2018-2020	1085/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	16.000	16.000	2.812,331	2.812,331	2.812,331		2.812,331			BQL các dự án ĐTXD	
7	Trường THCS Phú Túc, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa	2019-2020	128/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2018	14.990	14.990	3.000,000	3.000,000	3.000,000		3.000,000			UBND huyện Krông Pa	
8	Trường THPT Pleime, xã Ia Ga, huyện Chư Prông	2020	161/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; 131/QĐ-SKHĐT ngày 08/10/2019	6.000	6.000	2.584,646	2.584,646	2.584,646		2.584,646			BQL các dự án ĐTXD	
9	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Uar, huyện Krông Pa	2019-2020	232/QĐ-UBND ngày 05/4/2016; 564/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	3.000	3.000	1.500,000	1.500,000	1.500,000		1.500,000			UBND huyện Krông Pa	
10	Trường THCS Nguyễn Du, xã Cư An, huyện Đăk Pơ	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	6.000	400,000	400,000	400,000		400,000			UBND huyện Đăk Pơ	
11	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Phú An, huyện Đăk Pơ	2020	187/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; 73/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.000	3.000	350,000	350,000	350,000		350,000			UBND huyện Đăk Pơ	
12	Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện	2020	261/QĐ-UBND ngày 14/4/2016; 2234/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	3.000	3.000	937,400	937,400	937,400		937,400			UBND huyện Phú Thiện	
13	Trường THCS Kpa Klơng xã Hà Bầu, huyện Đak Đoa	2020	500/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 154/QĐ-SKHĐT ngày 24/10/2019	12.000	12.000	4.300,000	4.300,000	4.300,000		4.300,000			UBND huyện Đăk Đoa	
14	Trường THCS Kông Bờ La, xã Kông Bờ La, huyện Kbang	2020	145/QĐ-UBND ngày 03/3/2017; 462/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	5.000	5.000	1.700,000	1.700,000	1.700,000		1.700,000			UBND huyện Kbang	